

Bản án số: 67/2024/HS-ST
Ngày 10-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H B, THÀNH PHỐ H P

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn M Toàn;

Bà Nguyễn Thị M Phương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận H B, thành phố H P.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận H B, thành phố H P tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Như Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H B, thành phố H P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 65/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/HSST-QĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024, đối với bị cáo:

N T M, sinh ngày 02 tháng 8 năm 1992 tại H P. Nơi cư trú: Số 3 CK1 C26 Đ N, phường C T, quận N Q, thành phố H P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông N V H (đã chết) và bà N T TH; chưa có vợ con; tiền án: Bản án số 143/HSST ngày 28/12/2011 của Tòa án nhân dân quận N Q, thành phố H P xử phạt 08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (chưa được xóa án tích); Bản án số 06/2020/HSST ngày 05/05/2020 của Tòa án nhân dân quận H A, thành phố H P xử phạt 21 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản (chưa được xóa án tích); tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 14/7/2023, tạm giam từ ngày 19/7/2023; có mặt.

- **Bị hại:** Trung tâm khai thác, vận chuyển - Bưu điện thành phố H P. Địa chỉ: Số 5 đường N T P, phường M K, quận H B, thành phố H P.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà N T H; vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

- *Người làm chứng*: Chị Đ T P T; anh H T T; chị B T V; chị TH, anh TR, chị V vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trung tâm khai thác, vận chuyển trực thuộc Bưu điện thành phố H P (gọi tắt là Trung tâm) ký Hợp đồng thuê khoán công việc số 51/HĐ-TK ngày 09/11/2021 với N T M, trong đó có nội dung công việc: “N T M nhận thực hiện chuyển phát đến địa chỉ người nhận các loại bưu gửi (gồm: thư, công văn, tài liệu, báo chí, các loại giấy báo, giấy mời, fax .. và các loại bưu gửi khác thông qua các dịch vụ của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam) tại các quận nội thành trên địa bàn thành phố H P”.

Quá trình thực hiện, Trung tâm cung cấp cho M phần mềm ứng dụng nội bộ có tên là phần mềm “DingDong” và được cài trên điện thoại di động cá nhân của M (tài khoản được đăng ký bằng số điện thoại số 0973.353663 của M và mật khẩu do M tự lập) để theo dõi quá trình di chuyển đơn hàng, trạng thái đơn hàng, quản lý việc chủ tài khoản (M) nhận đơn hàng, liên lạc với khách nhận hàng. Trong quá trình làm việc, M có trách nhiệm sử dụng tài khoản được cấp để chuyển trạng thái đơn hàng thành “Giao hàng thành công” hoặc “Phát không thành công”, đồng thời Trung tâm và nhân viên khai thác sẽ sử dụng phần mềm PNS của nội bộ Bưu điện (phần mềm này kết nối với phần mềm DingDong của các bưu tá) dùng để đối chiếu hàng ngày các đơn hàng được giao cho M và kiểm tra các trạng thái đơn hàng được giao để thu tiền từ M. Theo quy trình, hàng ngày nhân viên khai thác của Trung tâm sử dụng bản kê giao nhận (biểu BĐ13) trên phần mềm PNS kết nối với bản kê giao nhận (biểu BĐ13) trên phần mềm DingDong của M để nhập các bưu gửi (kiện hàng) thuộc tuyến phát của M. N T M có trách nhiệm kiểm tra số lượng bưu gửi (kiện hàng) thực tế tại kho hàng được Trung tâm phân loại. Những kiện hàng nào được phân loại thuộc tuyến phát “Logistics Lê Chân ô tô 02”, nếu M kiểm tra thấy đủ số lượng, đúng địa bàn phụ trách M sẽ tiến hành nhập vào phần mềm DingDong biểu bản kê (BĐ13) ở phần chấp nhận, nếu không đúng M sẽ báo lại cho Khai thác viên của kho hàng để xử lý. Sau khi xác nhận đúng, đầy đủ số hàng M được tài xế xe ô tô của Trung tâm chở M đi giao hàng theo các địa chỉ cho các khách hàng và nhận tiền của khách hàng. Đến cuối ngày, M có trách nhiệm thực hiện thao tác trên phần mềm DingDong, cụ thể: Đối với các đơn đã phát thì nhập đã phát thành công, những đơn chưa phát được thì ghi lý do chưa phát được trên biểu (BĐ13). Đối với những đơn hàng 03 ngày liên tiếp chưa phát được thì phải nộp lại bưu kiện đó để chuyển trả lại bên bán hàng.

Từ ngày 01/4/2022 đến ngày 18/5/2022, Trung tâm nhận 54 bưu gửi (kiện hàng) với tổng số tiền phải thu là 77.579.965 đồng từ kho tổng tại Đình Vũ chuyển về kho tại số 05 N T P, sau đó phân vào khu vực phát “Logistic Lê Chân ô tô 02” cho N T M để đi phát đến khách hàng. M sử dụng số điện thoại 0973.353663 liên lạc và trực tiếp giao 54 bưu gửi (kiện hàng) đến người nhận và đã thu đủ số tiền trên.

Sau khi nhận tiền hàng, M không bàn giao cho Trung tâm mà chiếm đoạt số tiền trên bằng cách M không chuyển trạng thái các đơn hàng sau khi giao hàng xong trên biểu (BĐ13) phần mềm DingDong là “giao hàng thành công” mà chuyển sang trạng thái “phát không thành công” đối với 54 bưu gửi để cuối mỗi ca làm việc, nhân viên của Trung tâm không biết được trạng thái đơn hàng đã giao hoàn thành, không có căn cứ để rà soát, yêu cầu M chốt lại hàng hóa, tiền thu theo quy định. Số tiền M chiếm đoạt của Trung tâm là 77.579.965 đồng, số tiền này M sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi Trung tâm phát hiện các bưu gửi M giao nhưng không nộp lại tiền nên đã liên hệ với người nhận của 54 bưu gửi trên, các khách hàng đều xác nhận đã nhận hàng và thanh toán tiền cho M. Ngày 26/5/2022, Trung tâm làm việc với M, M thừa nhận đã giao hàng và nhận tiền 54 bưu gửi nhưng không nộp lại Trung tâm mà chiếm đoạt chi tiêu cá nhân. Sau đó, N T M bỏ trốn. Ngày 14/7/2023, M bị bắt theo Quyết định truy nã số 08 ngày 02/3/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H B.

Vật chứng của vụ án: Điện thoại di động cài phần mềm DingDong M để M sử dụng cập nhật việc giao nhận hàng, quá trình bỏ trốn M bán cho người không quen biết nên không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Trung tâm đã bồi thường tiền hàng phải thu người gửi hàng (là các khách hàng của Trung tâm). Nay, Trung tâm yêu cầu N T M phải trả số tiền 77.579.965 đồng đã chiếm đoạt.

Tại bản Cáo trạng số 40/CT-VKSHB ngày 05/4/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân quận H B, thành phố H P truy tố bị cáo N T M về tội “Tham ô tài sản” theo khoản 1 Điều 353 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo N T M khai nhận hành vi đã thực hiện như nội dung bản cáo trạng Viện Kiểm sát nhân dân quận H B đã truy tố.

Người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt, có đơn xin vắng mặt và được công bố tại phiên tòa thể hiện: Nội dung sự việc phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa. Trung tâm yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền chiếm đoạt 77.579.965 đồng. Về mức hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Người làm chứng Đ T P T, H T T, B T V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, họ đã có lời khai trong hồ sơ thống nhất, phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ và đã được công bố tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận H B giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận H B, thành phố H P đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 353; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: N T M mức án tù từ 04 năm tù đến

04 năm 06 tháng tù về tội “Tham ô tài sản”. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Bị cáo phải bồi thường Trung tâm khai thác, vận chuyển trực thuộc Bưu điện thành phố H P số tiền chiếm đoạt là 77.579.965 đồng. Bị cáo phải nộp án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ để bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an quận H B, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận H B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người làm chứng: Người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Đại diện Viện Kiểm sát, bị cáo không đề nghị hoãn phiên tòa vì sự vắng mặt của những người này. Xét thấy, người làm chứng đã có lời khai tại các giai đoạn tố tụng và việc vắng mặt của họ tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, căn cứ Điều 293, Điều 296 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng được triệu tập đến phiên tòa.

- Về tội danh:

[3] Lời khai nhận của bị cáo N T M tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, xác định: Từ ngày 01/4/2022 đến ngày 18/5/2022, thông qua hợp đồng thuê khoán công việc, N T M được Trung tâm khai thác, vận chuyển trực thuộc Bưu điện thành phố H P giao thực hiện nhiệm vụ chuyển phát 54 bưu kiện hàng và có quyền hạn thu tiền của người nhận hàng và nộp về Trung tâm. Lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn của mình, M đã thực hiện xong nhiệm vụ giao hàng và thu tiền hàng của 54 bưu kiện nhưng không nộp số tiền 77.579.965 đồng về Trung tâm mà sử dụng vào mục đích cá nhân. Như vậy, hành vi của bị cáo N T M đủ cấu thành phạm tội “Tham ô tài sản” theo khoản 1 Điều 353 của Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã lợi dụng nhiệm vụ quyền hạn của mình để chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý, đã xâm phạm đến hoạt động bình thường của các cơ quan tổ chức, làm mất uy tín và gây thiệt hại cho doanh nghiệp. Vì vậy cần bắt bị cáo cách ly xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung theo quy định tại Điều 38 của Bộ luật hình sự.

- Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5] Bị cáo N T M có 02 tiền án chưa được xóa án tích nhưng vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm h khoản 1 của Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt bổ sung:

[6] Ngoài hình phạt chính, bị cáo N T M còn phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 353 của Bộ luật Hình sự. Xét bị cáo không có công việc ổn định, không có thu nhập và tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự:

[7] Buộc bị cáo phải bồi thường Trung tâm khai thác, vận chuyển trực thuộc Bưu điện thành phố H P số tiền đã chiếm đoạt là 77.579.965 đồng theo quy định tại các điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự.

- Về vật chứng và các vấn đề khác:

[8] Đối với 01 điện thoại M sử dụng cài đặt phần mềm DingDong để cập nhật việc giao nhận hàng, quá trình bỏ trốn M đã bán cho một người không quen biết nên không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.878.998 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 353; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo N T M phạm tội “Tham ô tài sản”.

Xử phạt bị cáo N T M 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/7/2023.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự, tuyên: Buộc bị cáo N T M phải bồi thường Trung tâm khai thác, vận chuyển - Bưu điện thành phố H P số tiền 77.579.965 (bảy mươi bảy triệu, năm trăm bảy mươi chín nghìn, chín trăm sáu mươi lăm) đồng.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo N T M phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.878.998 (ba triệu, tám trăm bảy mươi tám nghìn, chín trăm chín mươi tám) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo N T M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại là Trung tâm khai thác, vận chuyển - Bưu điện thành phố H P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

- Trong TR hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H P;
- VKSND quận H B;
- VKSND thành phố H P;
- Cơ quan Điều tra Công an quận H B;
- Cơ quan THAHS Công an quận H B;
- Công an thành phố H P;
- Chi cục THADS quận H B;
- Trại tạm giam H P;
- Sở Tư pháp thành phố H P;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hải Yến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hải Yến